

Số: 28/2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Địa chất khoáng sản số 54/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Báo cáo thẩm tra số 199/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện theo quy định tại: Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13; Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Địa chất khoáng sản số 54/2024/QH15; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Người nộp phí bao gồm các tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định: Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Cấp, cấp lại giấy phép môi trường; Điều chỉnh giấy phép môi trường; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

b) Tổ chức thu phí: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định (Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang).

c) Tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

## **Điều 2. Mức thu và chế độ thu, nộp phí**

### **1. Mức thu:**

| <b>TT</b> | <b>Nội dung thu phí</b>                                       | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Mức thu</b>    |
|-----------|---------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| 1         | Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường            | Đồng/hồ sơ         | 21.000.000        |
| 2         | Phí thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường:               |                    |                   |
| 2.1       | <i>Trường hợp không phải lấy mẫu, phân tích chất thải</i>     | <i>Đồng/hồ sơ</i>  | <i>18.000.000</i> |
| 2.2       | <i>Trường hợp chỉ lấy mẫu, phân tích nước thải</i>            | <i>Đồng/hồ sơ</i>  | <i>35.000.000</i> |
| 2.3       | <i>Trường hợp chỉ lấy mẫu, phân tích khí thải</i>             | <i>Đồng/hồ sơ</i>  | <i>40.000.000</i> |
| 2.4       | <i>Trường hợp lấy mẫu, phân tích cả nước thải và khí thải</i> | <i>Đồng/hồ sơ</i>  | <i>57.000.000</i> |
| 3         | Phí thẩm định điều chỉnh giấy phép môi trường                 | Đồng/hồ sơ         | 3.000.000         |
| 4         | Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường          | Đồng/hồ sơ         | 21.000.000        |

## 2. Chế độ thu, nộp phí

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định: Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Cấp, cấp lại giấy phép môi trường; Điều chỉnh giấy phép môi trường; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện nộp phí cho tổ chức thu phí trong thời gian từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đến trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định, kiểm tra thực tế của Đoàn kiểm tra. Phí được nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải kê khai, nộp số tiền phí đã thu của tháng trước (sau khi trừ số tiền phí được để lại) vào ngân sách nhà nước. Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp phí được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## **Điều 3. Quản lý và sử dụng phí**

### 1. Quản lý phí

Cơ quan tổ chức thu phí được trích để lại 80% trên tổng số tiền thu được để chi cho công tác thẩm định, số thu 20% còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

### 2. Sử dụng số tiền phí để lại

Tổ chức thu phí được để lại 80% số thu phí để chi cho các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023.

## **Điều 4: Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

b) Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

c) Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 2 về nội dung thu và mức thu tại Phụ lục ban hành kèm theo nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 22/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác

động môi trường; phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thăm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Bãi bỏ danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 06 Phụ lục III, số thứ tự 04 và số thứ tự 11 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo các văn bản quy phạm khác đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (G).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Thị Minh Xuân**